

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2023/HS-ST.
Ngày 11-12-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Lê X.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Phan Thanh D.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết V2.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Hoài G – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:**
Ông Lê Đức A1 – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 40/2023/TLST-HS, ngày 18 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/HSST-QĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 và số 17/2023/HSST-QĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Huỳnh Hữu P**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 20/11/2004 tại T, B; nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông: Huỳnh Văn T1 (sinh năm 1966) và bà: Nguyễn Thị L (sinh năm 1971); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Ngày 29/11/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố R xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2022. Tuy nhiên khi bị kết án, Huỳnh Hữu P là người dưới 16 tuổi nên được coi là không có án tích.

- Ngày 23/7/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T khởi tố về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vụ án đang trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Bị cáo bị khởi tố và bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A, tỉnh B từ ngày 08/7/2023 cho đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: **Nguyễn Anh K**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 19/01/2004 tại T, B; nơi cư trú: Thôn E 1, xã P1, huyện T, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Không; con ông: Nguyễn Anh T2 (sinh năm 1971) và bà: Quách Thị Thu T3 (sinh năm 1970); vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 18/9/2023, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2023/HSST; tiền sự: Không; nhân thân:

- Ngày 16/3/2021, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 20/9/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã Y xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 03/3/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố R xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt tù của cả 03 bản án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 22 (hai mươi hai) tháng tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 20/01/2023, tuy nhiên khi bị kết án, bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, phạm tội ít nghiêm trọng, nên được coi là không có án tích.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

3. Họ và tên: **Nguyễn Thanh N**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 09/9/1994 tại T, B; nơi cư trú: Thôn L1, xã P2, huyện T, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông: Nguyễn Thanh M (sinh năm 1968) và bà: Lưu Thị Ngọc S (sinh năm 1971); vợ: Võ Thị Thảo M1 (sinh năm 1994); con: 04 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị khởi tố ngày 10/8/2023 và được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P2, huyện T, tỉnh B cho đến nay (*Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa*).

4. Họ và tên: **Trần Thị Thu Q**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày: 25/9/1999 tại T, B; nơi cư trú: Thôn V, xã P2, huyện T, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề

nghiep: Ngu nghiệp; con ông: Trần Ngọc V1 (sinh năm 1974) và bà: Phan Thị S1 (sinh năm 1975); chồng: Võ Ngọc C1 (sinh năm 1996); con: 01 người, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị khởi tố ngày 10/8/2023 và được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P2, huyện T, tỉnh B cho đến nay (*Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa*).

* Người bị hại: Anh Đoàn Ngọc B1 – Sinh năm: 2005; nơi cư trú: Thôn H, xã C2, huyện A, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 3h ngày 29/5/2023, Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K bàn bạc, rủ nhau đi trộm xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài, nên K lấy xe mô tô của gia đình đưa cho P chở đi trộm tài sản. Khoảng 6h cùng ngày, cả hai chạy xe mô tô ngang qua trước nhà anh Đoàn Ngọc B1 (ở thôn H, xã C2, huyện A) thì phát hiện 01 xe mô tô Honda Air Blade, màu Trắng-xám, biển số 83P1-271.14, có chìa khóa đang gắn trên ổ khóa (xe thuộc sở hữu của anh B1), đang dựng tại sân phía trước nhà nên K bảo P dừng xe để K đến lấy xe mô tô này. Sau khi bỏ K xuống, P điều khiển xe đến quán tạp hóa gần đó để cảnh giới; còn K đi đến chỗ xe mô tô 83P1-271.14, quan sát thấy không có ai trông coi nên lén lút lấy xe mô tô này, rồi điều khiển tẩu thoát. Sau khi lấy được xe, K gọi điện nói cho P biết đã trộm được xe và bảo P đến nhà K. Khoảng 14h cùng ngày, K và P điều khiển xe mô tô 83P1-271.14 đến thành phố R để tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi, K tháo biển số 83P1-271.14 vớt bên đường và khi đến đoạn đường Lê Thanh Nghị, thành phố R, phát hiện 01 xe mô tô Honda Air Blade, biển số 77L2-808.76, dựng bên đường, không người trông coi, K xuống xe tháo biển số 77L2-808.76 và gắn vào xe Honda Air Blade biển số 83P1-271.14 đã trộm được rồi cả hai điều khiển xe về nhà K.

Sáng ngày 30/5/2023, K lên mạng facebook tìm kiếm người mua xe thì thấy có số điện thoại 0898016302 tên Nguyễn Thanh N, đăng tìm mua xe cũ nên K gọi vào số điện thoại này và gặp N, K hỏi: có mua xe cũ không; N trả lời: “có, xe loại gì, giá bao nhiêu”; K trả lời “xe Air Blade, giá 4.800.000^d”; N nói: “đem xe xuống ngã ba Vườn Xoài, xã P2, huyện T xem rồi thương lượng”. Sau đó K điện thoại cho P biết việc mua bán xe và đưa số điện thoại của N để P liên hệ. Khoảng 8h cùng ngày, P điều khiển xe mô tô biển số 83P1-271.14 (lúc này đã gắn biển số 77L2-808.76) đến ngã ba Vườn Xoài, xã P2 gặp N. Sau khi xem xe, thấy xe còn mới, giá rẻ nhiều so với thị trường, N đồng ý mua nên điện thoại

cho Trần Thị Thu Q (người đã nhờ Nhất tìm mua giùm 01 xe mô tô để sử dụng) nói: “có xe mô tô Air Blade còn mới, bán 4.800.000^d”, giờ anh dẫn đến nhà mẹ em, em xem xe và trả tiền, Q đồng ý. N bảo P điều khiển xe theo N đến nhà mẹ của Q (ở thôn N1, xã P2) để gặp Q. Sau khi xem, thấy xe mô tô còn mới, giá rẻ, Q đồng ý mua, không hỏi, yêu cầu về giấy tờ của xe và đưa 4.800.000^d cho N để giao cho P. P đem 4.800.000^d về đưa cho K và được chia 2.000.000^d.

Đến khoảng 13h cùng ngày, Q điện thoại cho N, bảo hỏi lại người bán xe, xe sao không có giấy tờ; N điện thoại hỏi P: “xe ở đâu có, sao không có giấy tờ”; P trả lời: “xe đó lấy trộm được nên không có giấy tờ”; N điện thoại cho Q biết: “xe đó tui nó lấy trộm nên không có giấy tờ”. N biết xe mô tô mà mình mua là do trộm cắp mà có, Q sợ bị phát hiện nên đem xe mô tô đi dán decal lên hai bửng chắn gió phía trước và hai bên hông xe mô tô Air Blade, đổi màu xe từ màu Trắng-xám sang màu xanh và tiếp tục sử dụng đến khi bị Cơ quan Công an phát hiện thì Q mới giao nộp lại xe.

Về vật chứng vụ án: Đã thu giữ 01 (một) xe mô tô Honda Air Blade dán decal màu xanh, gắn biển số 77L2-808.76. Sau khi xác định đúng chủ sở hữu, đã tiến hành trả lại cho anh Đoàn Ngọc B1.

Theo Kết luận định giá tài sản số 22/KL/HĐĐGTTHS ngày 05/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện A, thì: 01 (một) xe mô tô biển số 83P1-271.14, loại xe Honda Air Blade, màu sơn Trắng-xám, số khung 4614EZ008766, số máy JF46E6008798, tại thời điểm bị trộm cắp vào ngày 29/5/2023, trị giá 17.000.000^d (mười bảy triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình hai bị cáo Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 4.800.000^d (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) cho Trần Thị Thu Q. Anh Đoàn Ngọc B1 và bị cáo Trần Thị Thu Q sau khi nhận lại tài sản thì không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 43/CT-VKSPC, ngày 16/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phân tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q về tội

“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, các bị cáo Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về trách nhiệm hình sự:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K, xử phạt mỗi bị cáo với mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q, xử phạt mỗi bị cáo với mức án từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung: Không.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo Huỳnh Hữu P, Nguyễn Anh K, Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến gì. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi

diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K là những người tuy còn nhỏ nhưng đã có nhiều tiền án, tiền sự, sau khi chấp hành xong các bản án đã gặp gỡ và rủ nhau đi tìm và tiếp tục lấy trộm tài sản của người khác. Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản khi không có người trông coi, cả hai đã lén lút lấy trộm được 01 (một) chiếc xe mô tô Honda Air Blade, biển số 83P1-271.14, trị giá tại thời điểm trộm cắp theo Hội đồng định giá là 17.000.000^d (mười bảy triệu đồng) của anh Đoàn Ngọc B1 đang dựng trước nhà vào khoảng 6h sáng ngày 29/5/2023 tại thôn H, xã C2, huyện A. Sau khi trộm được, các bị cáo đã đăng tin bán xe cũ và bán được chiếc xe nói trên với giá 4.800.000^d (bốn triệu tám trăm nghìn đồng), số tiền này các bị cáo chia nhau tiêu xài cá nhân, trong đó P 2.000.000^d, K 2.800.000^d. Do đó, các bị cáo Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K đồng phạm với nhau về tội trộm cắp tài sản.

Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q khi biết xe mô tô Honda Air Blade, biển số 83P1-271.14 do Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K bán là xe trộm cắp mà có, nhưng vì hám lợi và cũng muốn có xe để làm phương tiện sử dụng nên N đã đồng ý mua giúp Q chiếc xe này. Mặc dù đã biết trước xe này do trộm cắp mà có nhưng khi giao dịch N đã không thông báo cho Q biết. Sau khi mua được xe và phát hiện xe là do trộm cắp mà có, để tránh bị phát hiện, bị cáo Q đã đem xe đi dán decal thay đổi màu xe, mục đích tiếp tục sử dụng đến khi bị Cơ quan Công an phát hiện thì mới đem giao nộp. Do đó, các bị cáo Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q đồng phạm với nhau về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Trong vụ án tuy có nhiều người tham gia nhưng chưa thể hiện rõ đây là vụ án có tổ chức chặt chẽ, các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố các bị cáo Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Nguyễn Thanh N và Trần

Thị Thu Q phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3]. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[4]. Xét tính chất đồng phạm trong vụ án:

Xét các bị cáo Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K đồng phạm với nhau trong việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Các bị cáo đã rủ rê nhau, thống nhất cùng thực hiện tội phạm. Bị cáo Nguyễn Anh K có nhân thân xấu, có nhiều tiền án nhưng không chịu ăn năn hối cải mà lại tiếp tục phạm tội thể hiện bản chất xem thường pháp luật, do đó hình phạt của bị cáo K phải cao hơn hình phạt của bị cáo P.

Xét các bị cáo Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q đồng phạm với nhau trong việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Xét tính chất của hai bị cáo vì hám lợi, chủ yếu mua để sử dụng cho cá nhân, không nhằm mục đích tiêu thụ để trục lợi. Đối với bị cáo N, không có hưởng lợi trong vụ án. Tuy nhiên xét hành vi của bị cáo đã biết được chiếc xe nói trên là do các bị cáo P và K trộm cắp được mà vẫn tiếp tay cho Q mua để sử dụng. Đối với bị cáo Q, tuy rằng tại thời điểm giao dịch chưa biết đây là xe trộm cắp mà có nhưng sau đó đã biết ngay nhưng vẫn không trình báo, báo cáo cho cơ quan Công an xử lý mà lại tiếp tục đi dán decal thay đổi màu xe nhằm mục đích tránh sự phát hiện của cơ quan pháp luật để tiếp tục sử dụng nên đã đến mức phải xử lý hình sự.

[5]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội.

Đối với các bị cáo Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K, tuy các bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị tuyên án và chấp hành hình phạt về tội “Trộm cắp tài sản”, tuy nhiên tại thời điểm kết án tại các bản án trước đó, các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng và chưa đủ 18 tuổi, do đó không xem là có án tích nên không thuộc trường hợp tái phạm. Trong vụ án này, sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình nộp lại số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bản thân các bị cáo từ trước tới nay chưa có lần nào vi phạm pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đồng thời áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, cho các bị cáo Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để tạo điều kiện cho các bị cáo tích cực cải tạo, học tập.

[6]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Huỳnh Hữu P, Nguyễn Anh K, Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp một phần với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q;

Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Hữu P và Nguyễn Anh K phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”; các bị cáo Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K **18 (mười tám) tháng tù**.

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2023/HSST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **30 (ba mươi) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam: 25.6.2023 (Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 88/2023/HS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B).

2.2. Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu P **15 (mười lăm) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam: 08.7.2023.

2.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N **06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**.

Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm: 11.12.2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh N cho Ủy ban nhân dân xã P2, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2.4. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu Q **06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**.

Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm: 11.12.2023.

Giao bị cáo Trần Thị Thu Q cho Ủy ban nhân dân xã P2, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Các bị cáo Huỳnh Hữu P, Nguyễn Anh K, Nguyễn Thanh N và Trần Thị Thu Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng người bị hại vắng mặt thời hạn là 15 ngày tính từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh B;
- TAND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Đội Tham mưu – Tổng hợp Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê X